

Bản án số: 499/2023/DS- ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2023
Về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Oánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh
2. Ông Nguyễn Đình Thức

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan, Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 451/2020/DSST ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 659/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 840/2023/QĐST-HPT ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Đặng Thanh H, sinh năm 1984 và bà Dương Thị Đ, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hương, bà Đ: Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1990 (văn bản ủy quyền ngày 20/10/2020 và ngày 09/11/2020); Địa chỉ liên lạc: 671 H, khu phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Ánh N, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: 192/16 L, phường H, quận T, Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Đặng Thanh H và bà Dương Thị Đ do ông Nguyễn Minh Q trình bày:

Xuất phát từ việc có mối quan hệ quen biết với nhau nên bà Bùi Thị Ánh N có hỏi vay tiền của vợ chồng ông.

Ngày 05/01/2018, ông nói vợ là bà Dương Thị Đ chuyển vào tài khoản của bà Nguyệt số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tại Ngân hàng Đ – Phòng giao

dịch N, huyện L, tỉnh L. Lần 2 vào ngày 11/01/2018 ông nói bà Đ tiếp tục chuyển khoản cho bà Nguyệt số tiền là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng qua Emobile Banking. Hai bên thỏa thuận sau 01 tháng bà Nguyệt sẽ trả tiền cho vợ chồng ông.

Tuy nhiên từ đó đến nay bà Nguyệt vẫn chưa trả tiền cho vợ chồng ông. Đến nay đã quá hạn như đã thỏa thuận nhưng bà Nguyệt vẫn không trả tiền mặc dù ông đã yêu cầu nhiều lần, bà Nguyệt luôn khất lần, lần tránh, không có thiện chí trả tiền cho vợ chồng ông.

Đến nay các bên không thể tự thương lượng thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp và để đảm bảo quyền lợi của mình, vợ chồng ông làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh buộc bà Nguyệt phải trả cho tôi số tiền vay là 125.000.000 (một trăm, hai mươi lăm triệu) đồng. Không yêu cầu trả lãi suất.

Trên đây là toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông kính mong Tòa án nhân dân quận Tân Phú xem xét giải quyết.

[2] Bị đơn bà Bùi Thị Ánh N trình bày: Bà và ông Hương, bà Đ không có quen biết nhau.

Bà Nguyệt xác định nội dung ông Hương, bà Đ có chuyển vào tài khoản cá nhân của bà tổng số tiền 125.000.000 (một trăm, hai mươi lăm triệu) đồng. Tuy nhiên bà xác định rằng việc chuyển tiền của ông Hương, bà Đ là giao dịch giữa ông Bùi Thanh A, sinh năm 1978 (hiện không rõ nơi cư trú) anh ruột của bà và nguyên đơn ông Hương, bà Đ.

Do thực tế bà không vay mượn của nguyên đơn ông Đặng Thanh H và bà Dương Thị Đ nên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà không đồng ý trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự theo quy định tại Điều 234; tuy nhiên không có quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử là vi phạm quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, xác định tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Ánh N đã được bà Dương Thị Đ chuyển số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tại Ngân hàng Đ – Phòng giao dịch Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 05/01/2018; Ngày 11/01/2018 bà Dương Thị Đ tiếp tục chuyển khoản cho bà Nguyệt số tiền là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu) đồng qua Emobile Banking, tổng số tiền bà Bùi Thị Ánh N đã nhận là 125.000.000 đồng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Ánh N phải trả 125.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và không yêu cầu tính lãi suất nên không xét. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Bùi Thị Ánh N phải trả cho ông Đặng Thanh H và bà Dương Thị Đ số tiền 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng; Án phí dân sự sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2020, nguyên đơn ông Đặng Thanh H và bà Dương Thị Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị Ánh N phải thanh toán tổng số tiền phải trả số tiền vay là 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Bùi Thị Ánh N, sinh năm 1987; có địa chỉ đăng ký cư trú tại số 192/16 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về người tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết vắng mặt đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền: Tại văn bản ủy quyền ngày 20/10/2020 và ngày 09/11/2020 ông Đặng Thanh H và bà Dương Thị Đ ủy quyền cho ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1990 tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp với quy định Điều 562 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 85, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Nguyên đơn ông Đặng Thanh H và bà Dương Thị Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị Ánh N phải thanh toán tổng số tiền phải trả số tiền vay là 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Nhận thấy, tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Ánh N đã được bà Dương Thị Đ chuyển số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tại Ngân hàng Đ – Phòng giao dịch Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 05/01/2018; Ngày 11/01/2018 bà Dương Thị Đ tiếp tục chuyển khoản cho bà Nguyệt số tiền là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu) đồng qua Emobile Banking.

Tại Biên bản ngày 10/5/2021 và Biên bản hòa giải ngày 22/6/2023 bị đơn bà Bùi Thị Anh Nguyệt xác định nội dung ông Hương, bà Đ có chuyển vào tài khoản cá nhân của bà tổng số tiền 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng là những

tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên bà xác định rằng việc chuyển tiền của ông Hương, bà Đ là giao dịch giữa ông Bùi Thanh A, sinh năm 1978 (hiện không rõ nơi cư trú) anh ruột của bà và nguyên đơn ông Hương, bà Đ. Do thực tế bà không vay mượn của nguyên đơn ông Đặng Thanh H và bà Dương Thị Đ nên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà không đồng ý trả.

Nhận thấy ngày 05/01/2018 và ngày 11/01/2018, bà Bùi Thị Ánh N là người trực tiếp nhận số tiền 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng do bà Dương Thị Đ chuyển tại Ngân hàng Đ – Phòng giao dịch Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng và qua Emobile Banking nên phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Đặng Thanh H và bà Dương Thị Đ là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Đặng Thanh H và bà Dương Thị Đ không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.2] Bà Bùi Thị Ánh N xác định rằng việc chuyển số tiền 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng của ông Hương, bà Đ là giao dịch giữa ông Bùi Thanh A, sinh năm 1978 (hiện không rõ nơi cư trú) anh ruột của bà và do thực tế bà không vay mượn của nguyên đơn ông Đặng Thanh H và bà Dương Thị Đ nên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà không đồng ý trả là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ:

Tại Thông báo ngày 22/6/2023, bị đơn bà Bùi Thị Ánh N đã được Tòa án thông báo về việc giao nộp, bổ sung chứng cứ đối với họ tên, địa chỉ cư trú của ông Bùi Thanh A, sinh năm 1978. Thông báo này đã được tổng đạt trực tiếp cho bà Nguyệt ngày 22/6/2023.

Tại Biên bản ngày 11/7/2023 và tại phiên tòa, bị đơn bà Bùi Thị Ánh N xác định không biết nơi cư ngụ của ông Bùi Thanh A nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử không thể triệu tập ông An tham gia tố tụng trong vụ án cũng như làm rõ việc giao dịch dân sự giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Thanh A.

Trường hợp giữa bà Bùi Thị Ánh N và ông Bùi Thanh A có tranh chấp đối với số tiền nêu trên thì được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Bùi Thị Ánh N phải trả cho ông Đặng Thanh H và bà Dương Thị Đ số tiền 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26, 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định

về án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn bà Bùi Thị Ánh N phải thanh toán cho nguyên số tiền 125.000.000 (một hai mươi lăm triệu) đồng nên án phí dân sự sơ thẩm là 6.250.000 (sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Hoàn trả cho ông Đặng Thanh H và bà Dương Thị Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.125.000 (ba triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0071548 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 227, 228, 238, 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 280, 357 và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 2; 6, 7, 7a, 7b và điều 9; 30; 31 của Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26, 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Thanh H và bà Dương Thị Đ.

1. Buộc bà Bùi Thị Ánh N phải trả cho ông Đặng Thanh H và bà Dương Thị Đ số tiền 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Bùi Thị Ánh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.250.000 (sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

2.2. Hoàn trả cho ông Đặng Thanh H và bà Dương Thị Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.125.000 (ba triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0071548 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Viện Trưởng

viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Oánh